

B. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

1. Định mức chi phí thiết kế (gọi tắt là thiết kế phí) trong bản định mức trên đây dùng làm căn cứ lập dự toán các đối tượng xây dựng và thanh toán giữa bên giao thầu (A) và bên nhận thầu thiết kế (TK) khi hợp đồng thiết kế.

Đối với công trình có nhiều hạng mục, thiết kế phí trong bản định mức trên đây được áp dụng cụ thể theo tính chất của hạng mục công trình chủ yếu.

Số tiền cụ thể được tính theo công thức :

$$C = J \times G$$

Trong đó :

C là tiền thanh toán thiết kế phí,

J là tỷ lệ phần trăm (%) định mức thiết kế phí.

G là giá trị dự toán xây lắp.

Khi thanh toán, nếu phát sinh khoản chênh lệch (thừa, thiếu) giữa số tiền thanh toán thiết kế phí thu được với chi phí thực tế thì :

a) Đối với các đơn vị thiết kế đã thực hiện hạch toán kinh tế, được hạch toán vào lỗ lãi của đơn vị.

b) Đối với các đơn vị thiết kế chưa thực hiện hạch toán kinh tế thì số chênh lệch thừa phải nộp ngân sách Nhà nước, số chênh lệch thiếu sẽ được ngân sách Nhà nước cấp bù.

2. Định mức chi phí khảo sát phục vụ cho thiết kế được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của vốn xây lắp công trình đã ghi trong kế hoạch và chi dùng để lập dự trù vốn. Đơn vị thiết kế phải lập yêu cầu nội dung khảo sát và dự toán chi phí cụ thể thông qua bên A trình Bộ chủ quản (nếu là công trình thuộc trung ương) hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (nếu là công trình thuộc địa phương) xét duyệt đề thanh toán.

3. Thiết kế các đối tượng xây dựng chưa có trong danh mục trên đây hoặc xét thấy không thể áp dụng các loại đối tượng xây dựng tương tự, đơn vị thiết kế lập dự toán chi phí cụ thể thông qua bên A trình Bộ chủ quản duyệt (có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng) mới được thanh toán.

4. Những đơn vị đã có đơn giá khảo sát, thiết kế được duyệt thì được dùng để lập dự toán và thanh toán theo đơn giá đó.

5. Đơn giá khảo sát, đơn giá thiết kế do Bộ ngành, trực tiếp quản lý hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xét duyệt hoặc ban hành sau khi có sự thỏa thuận của Bộ Xây dựng.

6. Số lượng hồ sơ thiết kế, khái toán, dự toán, bên thiết kế giao cho bên A được quy định để tính định mức như sau :

- Thiết kế sơ bộ và tổng khái toán : 10 bộ
- Thiết kế kỹ thuật và dự toán : 7 bộ
- Bản vẽ thi công và tổng dự toán : 11 bộ

7. Đơn vị thiết kế phải bảo đảm đầy đủ nội dung hồ sơ thiết kế khái toán, dự toán và trách nhiệm đối với công tác này theo đúng chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

8. Định mức chi phí lập khái toán và tổng khái toán, lập dự toán và tổng dự toán các công trình do nước ngoài thiết kế chưa tính đến chi phí dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt Nam.

9. Các chi phí lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, lập nhiệm vụ thiết kế, thiết kế quy hoạch thành phố, thị xã, thị trấn... sẽ có quy định riêng.

10. Định mức chi phí khảo sát — thiết kế trong thông tư này chỉ áp dụng cho các tổ chức của Nhà nước. Không áp dụng cho các tổ chức tư nhân.

11. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1977 và thay thế cho các quy định trước đây về vấn đề chi phí khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng cơ bản.

Quá trình áp dụng nếu gặp khó khăn vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời cho liên bộ biết để nghiên cứu giải quyết.

Liên bộ giao cho Viện kinh tế xây dựng (thuộc Bộ Xây dựng) có sự phối hợp của Vụ công nghiệp xây dựng (thuộc Bộ Tài chính) hướng dẫn và theo dõi thực hiện định mức này, đồng thời nghiên cứu sửa đổi và bổ sung những điều cần thiết trình liên bộ xét và quyết định.

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 1977

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

VÕ TRÍ CAO

K.T. Bộ trưởng

Bộ Xây dựng

Thủ trưởng

LÊ DANH

BỘ VẬT TƯ

THÔNG TƯ số 1657-VT/QL ngày 9-8-1977 hướng dẫn thi hành chi thị số 160-TTg ngày 29-4-1975 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi và sử dụng sắm lớp ô-tô cũ.

Ngày 29 tháng 4 năm 1975 Thủ tướng Chính phủ đã có chi thị số 160-TTg về việc thu hồi và sử dụng sắm lớp ô-tô cũ, nhằm sử dụng tiết kiệm các loại sắm lớp ô-tô.

Trong khi chờ thông tư hướng dẫn thi hành chi thị trên, ngày 2 tháng 5 năm 1977 Bộ Vật

tư và Tổng cục Hóa chất đã có thông tư liên bộ số 848-VT/LB về việc thu hồi lốp ô-tô cũ để đắp lại.

Nay Bộ Vật tư tạm thời quy định một số điểm cụ thể như sau :

I. Thu hồi lốp cũ.

1. Tất cả các loại lốp ô-tô thuộc các cỡ sau đây :

1200 — 20 ; 1200 — 18 ; 975 — 18
1100 — 20 ; 900 — 20 ; 825 — 20
750 — 20 ; 700 — 20 ; 650 — 20
650 — 16 ; 600 — 16.

hiện đã có khuôn đắp lại, chỉ được dùng đến mức còn đủ tiêu chuẩn đắp lại theo quy định của Tổng cục Hóa chất đã ban hành kèm theo thông tư liên bộ số 848-VT/LB ngày 2-5-1977⁽¹⁾ thì nhất thiết phải thu hồi đưa đi đắp đè sử dụng lại.

2. Tỷ lệ thu hồi các loại lốp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại thuộc các cỡ lốp đã ghi ở điểm 1, cho các đơn vị sử dụng lốp năm nay (1977) được quy định tối thiểu là 30% so với chỉ tiêu kế hoạch lốp được cung ứng của kỳ thực hiện kế hoạch trước (năm trước), nghĩa là đơn vị sử dụng trong kỳ kế hoạch trước được cung ứng 100 lốp thì phải thu nộp lại ít nhất là 30 lốp đủ tiêu chuẩn đắp lại vào kỳ thực hiện kế hoạch sau (năm sau). Căn cứ vào tình hình đắp lại lốp thực tế, tỷ lệ này sẽ tăng dần lên để bảo đảm cho các xí nghiệp đắp lốp có đủ lốp cũ để đắp lại và việc sử dụng lốp ô-tô càng ngày càng tiết kiệm được nhiều hơn.

3. Đối với các loại lốp ô-tô, máy kéo thuộc các cỡ sau đây :

a) Lốp ô-tô :

1000 — 18 ; 840 — 15 ; 640 — 15
615 — 13 ; 645 — 13 ; 735 — 14
10 — 20 ; 1500 — 20 ; 23 — 5
1200 — 22 ; 600 — 20 ; 600 — 9
1100 — 15 ; 750 — 15.

Công ty vật tư tập trung lốp còn đủ tiêu chuẩn đắp lại đã nhận của các đơn vị đem đến gia công đắp lốp ở xí nghiệp đắp lốp (theo sự phân công ở điểm 8 dưới đây).

Khi công ty vật tư đưa lốp đến xí nghiệp, xí nghiệp đắp lốp tiến hành kiểm tra chất lượng, và nhận toàn bộ số lốp đủ tiêu chuẩn đắp lại, trường hợp xí nghiệp kiểm tra phải loại ra một số lốp vì không đủ tiêu chuẩn đắp lại, công ty vật tư chịu trách nhiệm nhận lại số lốp loại ra đó.

Để tiến hành kiểm nhận lốp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại được chính xác, các công ty vật tư phải cử các cán bộ có trách nhiệm, có nghiệp vụ chuyên môn để kiểm tra lốp. Các công ty vật tư thuộc Bộ Vật tư có nhiệm vụ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các đơn vị có lốp đem nộp được nhanh chóng, dễ dàng.

Những lốp do xí nghiệp loại ra, đơn vị có lốp hoặc công ty vật tư bán lại cho ngành nội thương. Để thuận tiện cho các đơn vị có lốp không đủ tiêu chuẩn đắp lại đem bán ngoài các cơ sở thu mua ở các địa phương, Bộ Vật tư đề nghị Bộ Nội thương nghiên cứu và tổ chức các trạm thu mua lốp cũ không đủ tiêu chuẩn đắp lại ở gần các xí nghiệp đắp lốp.

7. Giá mua lốp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại là giá do Ủy ban Vật giá Nhà nước đã ban hành trong quyết định số 116-TLSX/VGNN ngày 28-11-1974.

Đề động viên khuyến khích các đơn vị có lốp tận dụng được nhiều lốp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại, Bộ Vật tư đề nghị Ủy ban Vật giá Nhà nước nghiên cứu và có quy định lại giá lốp cũ cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

8. Các công ty vật tư và các đơn vị có lốp trực tiếp mang lốp đến xí nghiệp đắp lốp theo sự phân công sau đây :

— Ở Hà Nội, Hải Phòng, Sơn La, Lai Châu, Hoàng Liên Sơn, Hà Tuyên, Cao Lạng, Bắc Thái, Hà Bắc, Hà Sơn Bình, Vĩnh Phú, Quảng Ninh, Hải Hưng, Thái Bình. Hà Nam Ninh đưa lốp đến nhà máy cao su sao vàng thuộc Tổng cục Hóa chất và xí nghiệp đắp lốp của Bộ Giao thông vận tải.

— Ở Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên, Quảng Nam-Đà Nẵng, Phú Khánh đưa lốp đến xí nghiệp đắp lốp ở Đà Nẵng.

1) TIÊU CHUẨN KIỂM TRA NGOẠI QUAN lốp ô-tô cũ để đắp lại.

1. Thân lốp phải rắn chắc, không bị sây sát mặt lốp vải bạt bọc miệng lốp để lõi giầy thép.

2. Vòng lốp (vòng tanh) không bị biến dạng (cong không tròn cạnh, nứt nẻ) không bị đứt (dù chỉ đứt một giầy thép tanh).

3. Cao su hông lốp không có hiện tượng rạn nứt, lão hóa nhiều. Xung quanh thân lốp không có vết rạn nứt liên tục.

4. Bên trong của lốp không có hiện tượng phồng dộp, bong sợi chỉ mảnh, sợi mảnh cong, rạn nứt.

5. Cao su mặt lốp bị mòn nhưng không tổn hại đến lớp vải mảnh nằm trực tiếp dưới mặt lốp, tốt nhất là những chiếc lốp sử dụng cho tới khi mặt lốp mòn đều, chưa tổn hại đến vải là đưa đi đắp lại.

6. Đối với những lốp có lỗ thủng cần lựa chọn theo những điểm sau đây :

— Lỗ thủng bất cứ lớn hay nhỏ đều cách vòng tanh (gót lốp) trên 120 mm.

— Đối với loại lốp lớn (1100 — 20 ; 1200 — 20), có thể vá các lỗ thủng dài đến 200 mm rộng 40mm, nhưng chỉ nên vá tối đa là 3 chỗ và phải cách xa nhau trên 600mm.

— Đối với lốp cỡ trung (từ 900 — 20 ; 825 — 20 ; trở xuống đến 700 — 20) các lỗ thủng chỉ nên dài đến 150mm, rộng 20 mm, tối đa vá 3 chỗ và cách xa nhau trên 600 mm.

— Nếu lỗ thủng bé thì số lỗ thủng có thể nhiều hơn nhưng không quá 6 chỗ trên 1 lốp.

Tel: +84-8-3845 6684* www.ThuVienPhapLuat.com

— Ở Đắc Lắc đưa lớp đến xí nghiệp đắp lớp Đắc Lắc.

— Ở Đồng Nai, Lâm Đồng đưa lớp đến xí nghiệp đắp lớp Đồng Nai.

— Ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh còn lại ở phía Nam đưa lớp đến xí nghiệp đắp lớp ở thành phố Hồ Chí Minh. Công ty thiết bị khu vực II thuộc Tổng công ty thiết bị của Bộ Vật tư có nhiệm vụ ghép cụ thể các đơn vị với các xí nghiệp đắp lớp trong khu vực này và thông báo cho các đơn vị.

Các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đưa lớp đến đắp lại tại xí nghiệp đắp lớp của Tổng cục hậu cần thuộc Bộ Quốc phòng theo sự hướng dẫn của Tổng cục hậu cần. Ngoài việc đắp lại lớp cho ngành mình, nếu còn khả năng đắp thêm cho các ngành khác thì xí nghiệp đắp lớp của Tổng cục hậu cần nên nhận đắp thêm. Tổng công ty thiết bị thuộc Bộ Vật tư có trách nhiệm bàn bạc, thỏa thuận với Tổng cục hậu cần để điều hòa các đơn vị thuộc ngành khác đưa lớp đến đắp lại tại xí nghiệp đắp lớp của Tổng cục hậu cần.

II. Nhận lớp đắp lại ở các xí nghiệp đắp lớp.

Việc nhận lớp đắp lại ở các xí nghiệp đắp lớp quy định như sau :

1. Nếu là lớp do đơn vị có lớp trực tiếp mang đến xí nghiệp đắp lớp, sau khi đắp lại, xí nghiệp đắp lớp giao lại cho đơn vị có lớp, khi giao lớp, xí nghiệp đắp lớp xác nhận cho đơn vị nhận lớp đã đắp lại, ghi rõ số lượng, cỡ, loại lớp mà đơn vị có lớp đã nhận của xí nghiệp để làm căn cứ cho việc cung ứng lớp sau này.

2. Nếu là lớp do công ty vật tư đưa đến xí nghiệp đắp lớp thì sau khi đắp lại, xí nghiệp giao lại cho công ty vật tư đã mang lớp đến cho mình. Xí nghiệp không được giao cho đơn vị nào khác với bất kỳ số lượng nào, nếu không có văn bản của công ty vật tư chịu trách nhiệm cung ứng lớp cho đơn vị đó.

3. Giá gia công đắp lớp : khi nhận lớp đã đắp lại, công ty vật tư và đơn vị có lớp trực tiếp mang lớp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại đến xí nghiệp đắp lớp, phải trả tiền gia công đắp lớp cho xí nghiệp đắp lớp. Trong khi chưa có giá quy định thống nhất của Nhà nước, tiền gia công đắp lớp được trả theo mức mà ngành hoặc địa phương chủ quản của xí nghiệp đắp lớp đã quy định.

III. Cung ứng lớp đắp lại.

1. Các loại lớp cũ đã đắp lại do đơn vị có lớp trực tiếp mang đến xí nghiệp đắp lớp hoặc do công ty vật tư mang đến xí nghiệp đắp lớp, sau khi đắp lại đều được cung ứng theo chỉ tiêu kế hoạch. Lớp cũ đắp lại tính vào chỉ tiêu kế hoạch cung ứng lớp nay tạm thời quy định là 1,5 lớp

cũ đắp lại bằng một lớp mới. Trường hợp đơn vị nhận lớp trực tiếp của xí nghiệp đắp lớp như quy định của điểm 1 phần II của thông tư này, cơ quan cung ứng căn cứ vào số lớp mà xí nghiệp đắp lớp đã giao cho đơn vị mà khấu trừ vào chỉ tiêu cung ứng lớp cho đơn vị đó. Tổng công ty thiết bị thuộc Bộ Vật tư chịu trách nhiệm chỉ đạo các công ty vật tư về việc cung ứng lớp hàng năm cho các đơn vị sử dụng trên nguyên tắc bảo đảm cho các đơn vị sử dụng được phân bổ lớp có tỷ lệ giữa lớp mới và lớp cũ đã đắp lại tương đương nhau và có khuyến khích những đơn vị thu hồi được nhiều lớp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại, tránh tình trạng đơn vị nào tích cực đem đắp lại lớp cũ thì lại được phân phối ít lớp mới hơn.

2. Các đơn vị muốn được cung ứng lớp theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước thì phải có chứng nhận của xí nghiệp đắp lớp về số lớp đủ tiêu chuẩn đắp lại đã giao nộp cho xí nghiệp đắp lớp (đối với trường hợp giao trực tiếp cho xí nghiệp đắp lớp).

Công ty vật tư sẽ căn cứ vào số lớp đủ tiêu chuẩn đắp lại mà đơn vị đã giao nộp (trực tiếp cho xí nghiệp đắp lớp và giao qua công ty vật tư) và căn cứ vào chỉ tiêu lớp được phân bổ cho đơn vị sử dụng để cung ứng lớp cho các đơn vị. Đối với đơn vị nào không thực hiện đủ chỉ tiêu nộp lớp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại, cơ quan cung ứng được phép rút bớt chỉ tiêu kế hoạch cung ứng lớp mới cho đơn vị đó. Ngược lại, đơn vị nào thực hiện vượt chỉ tiêu nộp lớp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại sẽ được thưởng cấp thêm lớp mới. Tỷ lệ thưởng thêm và rút bớt tạm quy định là không quá 10% (cộng thêm hoặc trừ đi) chỉ tiêu kế hoạch lớp được phân phối.

3. Giá lớp cũ đã đắp lại đem cung ứng được tính cộng giá thu mua lớp cũ đủ tiêu chuẩn đắp lại với giá gia công đắp lớp phải trả cho xí nghiệp đắp lớp và mức chiết khấu mà công ty vật tư được hưởng theo quy định. (Vụ kế toán tài vụ Bộ Vật tư sẽ hướng dẫn cụ thể về các công ty vật tư thực hiện).

4. Cung ứng lớp đối với sản xuất sản phẩm mới.

Cung ứng lớp cho sản xuất sản phẩm mới hàng năm không áp dụng theo các quy định của văn bản này. Số lớp cung ứng ra tương ứng với số lớp cần lắp vào sản phẩm mới đó (như sản xuất rơ moóc, máy kéo bông sen, v.v...).

Những điều quy định tạm thời trên đây được thi hành kể từ ngày ký ban hành. Không áp dụng những quy định trước đây trái với quy định trong văn bản này.

Trên đây là một số quy định cụ thể, yêu cầu các ngành, các địa phương, các xí nghiệp đắp lớp và các đơn vị sử dụng, các công ty vật tư

nghiên cứu kỹ và nghiêm chỉnh thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc, những kinh nghiệm tốt, hoặc có những đề xuất mới, đề nghị phản ánh kịp thời cho Bộ Vật tư để sửa đổi hoặc bổ sung cho phù hợp nhằm làm cho việc sử dụng lớp ngày càng có hiệu quả hơn.

Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 1977

K.T. Bộ trưởng Bộ Vật tư
Thủ trưởng
TRẦN TRUNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 2849-QĐ/VT/GC ngày 5-11-1977 sửa đổi điều 18 Thê lệ tạm thời và biểu cước cảng phí thu đối với tàu nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ quyết định số 787 — QĐ/VTGC ngày 18 tháng 3 năm 1977 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ;

Xét yếu cầu phục vụ cho đời sống của thủy thủ tàu nước ngoài khi vào cảng biển Việt Nam ;

Theo đề nghị của ông Trưởng ban Ban vận tải và ông Cục trưởng Cục đường biển,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay sửa lại điều 18 của Thê lệ tạm thời và biểu cước cảng phí thu đối với tàu nước ngoài ban hành bằng quyết định số 787-QĐ/VTGC ngày 18-3-1977⁽¹⁾ của Bộ Giao thông vận tải như sau :

— Nước ngọt cung cấp tính theo m³, mức tối thiểu được tính một lần cung cấp nước ngọt cho 1 tàu là 50 m³ ;

— Cung cấp nước ngọt tại vòi ở cầu cảng là 2đ/1 m³ ;

— Cung cấp nước ngọt do sàlan chở đến là 5 đ/1 m³.

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng Bộ Trưởng ban Ban vận tải Bộ, Cục trưởng Cục đường biển và các ông giám đốc các cảng biển chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 1977

K.T. Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng
TRINH NGỌC DIỆT

(1) In trong công báo số 5 ngày 31-3-1977

ĐÍNH CHÍNH

Công báo số 13 (913) ngày 31-7-1977

Trang	Cột	Dòng	Đã in	Xin sửa lại
161	phải	cuối trang	... và khám nghiệm thử	... và <i>nghiệm thử</i>
162	"	5 từ trên xuống	P _{1v} nén là làm việc...	P _{1v} nén là <i>áp suất</i> làm việc...
162	"	13 — nt —	P _{1v} nén = 15 at P _{1v} hút = 10 at	P _{1v} nén ≤ 15 át P _{1v} hút ≤ 10 át
163	trái	10 từ trên xuống	... ở vị trí bất kỳ nào...	... ở <i>bất kỳ vị trí</i> nào...
"	"	18 — nt —	... van khác giữa...	... van <i>khóa</i> giữa.